

Chi Lăng, ngày 08 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hữu Kiên,  
giai đoạn 2021-2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/2/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1869/SXD-HTKT&VLXD ngày 07/10/2022 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Căn cứ Quyết định 1703/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND huyện Chi Lăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả

thẩm định số 184/BC-KTHT ngày 08 tháng 9 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hữu Kiên, giai đoạn 2021- 2030, với nội dung chủ yếu như sau:

#### 1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: Xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía Bắc giáp: Xã Lâm Sơn, xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng;

+ Phía Nam giáp: Tỉnh Bắc Giang;

+ Phía Đông giáp: Huyện Lộc Bình;

+ Phía Tây giáp: Xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng.

b) Phạm vi nghiên cứu:

- Quy mô nghiên cứu: Toàn bộ địa giới hành chính xã Hữu Kiên, khoảng 8.283,26ha.

- Quy mô dân số:

<b>Dự báo quy mô dân số xã Hữu Kiên đến năm 2030</b>			
<b>Năm</b>	<b>2022</b>	<b>2025</b>	<b>2030</b>
<b>Dân số</b>	2.727	2.863	3.006
<b>Tỷ lệ gia tăng dân số (%)/năm</b>	1%	1%	1%

- Dự báo lao động:

<b>Dự báo quy mô lao động xã Hữu Kiên đến năm 2030</b>			
<b>Năm</b>	<b>2022</b>	<b>2025</b>	<b>2030</b>
<b>Dân số</b>	2.727	2.863	3.006
<b>tỷ lệ lao động</b>	1.500	1.574	1.653
<b>Tỷ lệ (%)</b>	55%	55%	55%

#### 2. Mục tiêu

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp - TTCN, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,..); xây dựng, cải tạo công trình, chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

Các định hướng, chỉ tiêu đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và các quy hoạch có liên quan.

Tổ chức không gian phát triển toàn xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Hữu Kiên và huyện Chi Lăng.

Tổ chức không gian khu trung tâm xã.

Xây dựng, tổ chức cuộc sống của dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái.

Là cơ sở lập quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã.

Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch đã được duyệt và quy định của pháp luật.

### **3. Tính chất quy hoạch**

- Là xã nằm ở phía Tây Bắc huyện Chi Lăng, phát triển kinh tế dựa vào chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp nên việc phát triển kinh tế dựa một phần vào yếu tố môi trường và thời tiết.

### **4. Nội dung quy hoạch**

#### **4.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Định hướng xây dựng trung tâm xã trở thành trung tâm chính trị và văn hóa của xã. Trung tâm xã được phát triển theo hướng quy hoạch những công trình còn thiếu, công trình chưa đủ diện tích và khu trung tâm hành chính của xã với mục tiêu hình thành khu trung tâm xã khang trang, hoàn thiện và hiện đại. Khu trung tâm hành chính mới của xã sẽ bao gồm các công trình: Trụ sở Đảng Ủy – HĐND – UBND xã, nhà văn hóa xã, bưu điện xã, sân thể thao xã và khu dân cư.

#### **4.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản**

##### **4.2.1 Định hướng tổ chức khu dân cư mới**

- Do đặc điểm tự nhiên, địa hình của xã và truyền thống sinh sống lâu đời của người dân nên việc di dời các hộ dân để hình thành khu dân cư tập trung là khó thực hiện. Vì vậy, quy hoạch giữ nguyên các khu dân cư hiện tại, dành quỹ đất để hình thành các khu đất dự trữ cho các hộ có nhu cầu tách hộ và các hộ dân trong khu vực giải tỏa, trên cơ sở chuyển đổi một phần đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư, đất dọc các tuyến đường giao thông chính, đất nông nghiệp của các hộ dân có nhu cầu chuyển đổi thành đất dự trữ phát triển dân cư phục vụ nhu cầu trong giai đoạn 2021-2030.

(Vị trí, diện tích của các khu dân cư mới được thể hiện trong bản vẽ Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã và bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

##### **4.2.2. Định hướng cải tạo thôn bản**

- Tôn trọng các nét đặc trưng nhà ở hiện hữu nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới. Đồng thời huy động các nguồn vốn để cải tạo chỉnh trang trên cơ sở nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước...nhằm ổn định và nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Các công việc cần cải tạo, chỉnh trang khu dân cư bao gồm:

+ Mở rộng và cứng hóa các tuyến đường nội thôn, hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

+ Cảnh trang, cải tạo công trình trong khuôn viên ở của từng hộ gia đình để thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Xây dựng hệ thống lưu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

#### **4.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ.**

##### **4.3.1. Đối với khu dân cư hiện trạng**

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườ...

##### **4.3.2. Đối với các khu dân cư mới**

- Diện tích ở tối thiểu đạt  $10m^2$ /người trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ  $30m^2$  trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ  $18m^2$  trở lên.

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của địa phương.

+ Mật độ xây dựng (TNT):

Diện tích lô đất ( $m^2$ )	$\leq 90$	100	200	300	500	$\geq 1000$
Mật độ xây dựng tối đa %	100	90	70	60	50	40

+ Chiều cao tầng: khuyến khích  $\leq 5$  tầng.

#### **4.4. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

- **Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã:** Diện tích đất hiện trạng của trụ sở Đảng Ủy – HĐND – UBND xã là 0,51ha, quy hoạch giữ nguyên vị trí và diện tích, Cải tạo – nâng cấp các công trình chống xuống cấp, đầu tư trang thiết bị cho cán bộ, công chức đảm bảo khả năng làm việc.

- **Nhà văn hóa xã:** Quy hoạch năm trong khuôn viên trụ sở Đảng Ủy – HĐND – UBND xã, dự kiến trong giai đoạn 2021-2030 sẽ đầu tư xây dựng mới theo mẫu nhà văn hóa đã được UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành.

- **Sân thể thao xã:** Diện tích sân thể thao xã hiện trạng 0,3ha. Hiện tại sân thể thao xã không có khả năng mở rộng do các mặt tiếp giáp với trụ sở Đảng Ủy – HĐND – UBND xã, đường bê tông và nhà văn hóa thôn Co Hương, quy hoạch giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng.

- **Bưu điện xã:** Bưu điện xã quy hoạch vị trí tại thôn Co Hương, giáp đường tỉnh 250, có diện tích  $220,64m^2$ .

- **Trụ sở công an xã:** Quy hoạch mới trụ sở công an xã, vị trí giáp trụ sở Đảng Ủy – HĐND – UBND xã, diện tích quy hoạch 0,21ha.

- **Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã:** Quy hoạch mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã vị trí tại thôn Co Hương, giáp đường tỉnh 250, có diện tích 0,17ha.

- **Bãi tập dân quân xã:** Quy hoạch bãi tập dân quân xã, diện tích 3,7ha.

**- Trạm y tế:** Giữ nguyên vị trí và diện tích khu đất như hiện trạng, đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất theo mẫu trạm y tế đã được ban hành.

**- Các công trình giáo dục:**

- + Mở rộng trường mầm non thôn Thàm Nà: Diện tích mở rộng 0,25ha.
- + Mở rộng điểm trường chính trường Mầm Non thôn Suối Mạ A: Diện tích mở rộng 0,15ha.
- + Mở mới điểm trường Mầm Non thôn Nà Lìa: Diện tích mở rộng 0,12ha.
- + Mở mới điểm trường Mầm Non – trường Tiểu học thôn Suối Mỏ: Diện tích mở rộng 0,12ha.
- + Mở rộng điểm trường Mầm Non thôn Suối Phầy: Diện tích mở rộng 0,09ha.

+ Mở rộng trường tiểu học 1: Diện tích mở rộng 0,21ha.  
+ Mở rộng trường tiểu học Hữu Kiên: Tổng diện tích quy hoạch 1,74ha.  
**- Nhà văn hóa và sân thể thao thôn:** Hiện tại 09/09 thôn đã có nhà văn hóa và định hướng quy hoạch như sau:

- + Nhà văn hóa thôn Pá Phào: Mở rộng nhà văn hóa, diện tích 182,6m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Mè Thình: Mở rộng nhà văn hóa, diện tích 1.602m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Suối Phầy: Mở rộng nhà văn hóa. Diện tích 175,3m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Suối Mỏ: Mở rộng nhà văn hóa. Diện tích 442,7m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thao thôn Nà Lìa: Mở rộng nhà văn hóa, diện tích 287,1m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Co Hương: Quy hoạch nhà văn hóa, diện tích 507m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Thàm Nà: Giữ nguyên hiện trạng nhà văn hóa thôn Thàm Nà. Diện tích: 865,6m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Suối Mạ A: Mở rộng nhà văn hóa thôn Suối Mạ A. Diện tích 351,0m<sup>2</sup>.
- + Nhà văn hóa thôn Suối Mạ B: Mở rộng nhà văn hóa thôn Suối Mạ B. Diện tích 628,6m<sup>2</sup>

#### **4.5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Đất nông nghiệp khác (khu chăn thả): Diện tích 11,4ha; 0,46ha và 0,36ha tại thôn Nà Lìa.

#### **4.6. Định hướng tổ chức kết hợp các khu chức năng khác**

- Nhà máy điện gió Lộc Bình (155MW): Diện tích nằm trên địa bàn xã Hữu Kiên 3,78ha.
- Nhà máy điện gió Hữu Kiên 100MW, diện tích 23,16ha. (Diện tích đã bao gồm trụ tua bin, nhà điều hành, bãi cẩu, đường nội bộ, đường dây 110kV và trạm biến áp 110kV).
- Nhà máy điện gió Chi Lăng 165MW, diện tích 305ha. (Diện tích đã bao gồm trụ tua bin, nhà điều hành, bãi cẩu, đường nội bộ, đường dây 220kV và trạm biến áp 220kV).
- Khu du lịch Khau Slao (Suối Mạ A): Tổng diện tích quy hoạch 150ha (trong đó đất thương mại dịch vụ 3ha, diện tích đất giữ nguyên không chuyển mục đích 147ha).

- Khu du lịch Công Trời (Co Hương, Thăm Nà): Tổng diện tích quy hoạch 100ha (trong đó đất thương mại dịch vụ 1,5ha, diện tích đất giữ nguyên không chuyển mục đích 98,5ha).

- Khu du lịch mạo hiểm suối Pá Mị - thác Hồ Dùng: Tổng diện tích quy hoạch 150ha (tổn bộ đất giữ nguyên không chuyển mục đích).

## **5. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

### **5.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật**

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông.
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp lưới điện.
- Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt

### **5.2. Các dự án hạ tầng xã hội**

- Dự án xây dựng nhà văn hóa, trụ sở công an xã, trụ sở ban chỉ huy quân sự xã, bưu điện và các công trình cộng đồng trung tâm xã.
- Dự án nâng cấp, mở rộng các công trình giáo dục.
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn.
- Các dự án phát triển du lịch, thương mại dịch vụ.

### **5.3. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư**

- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã.
- Đầu tư cho công tác nâng cấp hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn.
- Đầu tư cho công tác phát triển kinh tế, du lịch và các hình thức tổ chức sản xuất.
  - Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
  - Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

## **6. Quy hoạch sử dụng đất**

Cơ cấu sử dụng đất có sự thay đổi đất nông, lâm nghiệp giảm, ngoài ra đất chưa sử dụng cũng đã được chuyển đổi sử dụng đất. Thay vào đó đất xây dựng cũng đã được tăng lên, nhằm đảm bảo cân bằng sử dụng đất. Việc triển khai quy hoạch chung xã Hữu Kiên sẽ hình thành hình thái nông thôn bền vững nâng cao đời sống của nhân dân. Để việc triển khai quy hoạch xã đạt được những kết quả tốt nhất sẽ được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ 2021-2025 và giai đoạn 2 từ 2025-2030.

### **6.1 Đất nông nghiệp**

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2025 giảm 82,16ha, quy hoạch đến năm 2030 giảm 174,29ha do quỹ đất được chuyển đổi chức năng thành các quỹ đất quy hoạch mới như khu dân cư, khu hành chính xã, các công trình công cộng, thể thao, thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái,...

### **6.2 Đất xây dựng**

Diện tích đất xây dựng đến năm 2025 tăng 97,74ha, quy hoạch đến năm 2030 tăng 195,67ha do bổ sung quỹ đất quy hoạch mới khu dân cư, khu hành

chính xã, các công trình công cộng, thể thao, thương mại dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, giao thông.

*Bảng thống kê sử dụng đất đến năm 2030*

STT	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Hiện trạng</b>		<b>Quy hoạch 2021-2025</b>		<b>Quy hoạch 2025-2030</b>	
		<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên của xã</b>	<b>8.283,26</b>	<b>100,00</b>	<b>8.283,26</b>	<b>100,00</b>	<b>8.283,26</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>8.011,28</b>	<b>96,72</b>	<b>7.929,12</b>	<b>95,72</b>	<b>7.754,83</b>	<b>93,62</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	914,84	11,04	854,80	10,32	706,57	8,53
1.2	Đất nông nghiệp khác	-	-	11,39	0,14	11,39	0,14
1.3	Đất lâm nghiệp	7.094,83	85,65	7.062,93	85,27	7.036,87	84,95
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	1,61	0,02	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>88,43</b>	<b>1,07</b>	<b>186,17</b>	<b>2,25</b>	<b>381,84</b>	<b>4,61</b>
2.1	Đất ở	34,64	0,42	47,89	0,58	67,47	0,81
2.2	Đất công cộng	6,49	0,08	9,26	0,11	15,81	0,19
2.3	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,32	0,004	0,32	0,004	0,32	0,004
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	46,98	0,57	128,70	1,55	298,24	3,60
2.8.1	Đất giao thông	46,94	0,57	128,01	1,55	297,55	3,59
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	-	-	0,44	0,01	0,44	0,01
2.8.3	Đất nghĩa trang - Nghĩa địa	0,02	0,0002	0,02	0,0002	0,02	0,0002
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,02	0,0002	0,02	0,0002	0,02	0,0002
2.8.5	Đất quốc phòng, an	-	-	0,21	0,00	0,21	0,00

	<i>ninh</i>						
2.8.6	<i>Đất hạ tầng phục vụ sản xuất</i>	-	-	-	-	-	-
3	<b>Đất khác</b>	<b>183,43</b>	<b>2,21</b>	<b>160,28</b>	<b>1,93</b>	<b>146,80</b>	<b>1,77</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, sông suối - mặt nước chuyên dùng	145,06	1,75	144,92	1,75	144,92	1,75
3.2	Đất chưa sử dụng	38,37	0,46	15,36	0,19	1,88	0,02

## 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 7.1. Quy hoạch giao thông:

#### a) Giao thông liên xã:

+ Đường tỉnh 250: Chiều dài qua xã khoảng 32,7km mặt đường bê tông xi măng quy mô mặt đường 3m, nền đường rộng 4,0m.

+ Tuyến đường trực xã: Nâng cấp, mở rộng, cứng hóa đạt tiêu chuẩn đường cấp A giao thông nông thôn, mặt đường 3,5m, nền đường 6m kết cấu BTXM đạt 100%..

+ Mở rộng tuyến đường liên xã từ Thăm Nà xã Hữu Kiên – thôn Thông Nhất xã Lâm Sơn (theo tiêu chuẩn đường cấp A mặt đường 3,5m nền đường 6m).

#### b) Giao thông trong xã:

+ Tuyến đường trực thôn: Nâng cấp, mở rộng, cứng hóa đạt tiêu chuẩn đường cấp B giao thông nông thôn, mặt đường 3,5m, nền đường 5m kết cấu BTXM đạt từ 80% trở lên, đặc biệt là các tuyến đường sau:

+ Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ khu du lịch Cổng Trời đến Tiểu học 2.

+ Mở rộng tuyến đường từ thôn Hợp Nhất xã Hữu Kiên (theo tiêu chuẩn đường cấp B mặt đường 3m nền đường 4m).

+ Mở rộng tuyến đường từ trung tâm suối Phầy – suối Mỏ (theo tiêu chuẩn đường cấp C giao thông nông thôn mặt đường 2m nền đường 3m).

+ Mở rộng tuyến từ Nà Lìa – suối Cáu (theo tiêu chuẩn đường cấp C giao thông nông thôn mặt đường 3m nền đường 4m).

+ Mở rộng tuyến đường Thăm Nà – Lâm Sơn (theo tiêu chuẩn đường cấp B mặt đường 3m nền đường 4m).

+ Mở rộng tuyến Mè Thình – suối Phầy (theo tiêu chuẩn đường cấp C giao thông nông thôn mặt đường 2m nền đường 3m).

Bảng thống kê khối lượng giao thông

TT	MẶT CẮT	QUY MÔ				CHIỀU DÀI (m)	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
		Lòng đường	Hè đường	Dải phân	Lộ giới		

		(m)	(m)	cách	(m)		
1	Mặt cắt 1-1	3,5	1,5		5	7.510	37.550
2	Mặt cắt 2-2	3,5	3		6,5	24.454	158.951
3	Mặt cắt 3-3	1,0-3,0	1		2,0-4,0	465.300	1.861.199
	<b>Tổng</b>						<b>2.057.700</b>

### 7.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

Trên cơ sở quy hoạch chiều cao, thiết kế hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước tốt bao gồm các tuyến mương nắp đan bằng bê tông cốt thép đón nước có kích thước từ 400x600 - 600x800mm. Giếng thu trực tiếp, có khoảng cách theo độ dốc đường (iđ):

iđ = 0, khoảng cách giếng thu là 40m.

iđ = 40/00, khoảng cách giếng thu là 50m.

iđ > 40/00, khoảng cách giếng thu là 70m.

Mạng lưới thoát nước phân tán theo địa hình tự nhiên của các khu vực, hướng thoát nước chính ra mương tiêu và sông chảy qua khu vực.

Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước cùng với hệ thống đường giao thông, đảm bảo thoát nước tốt, đảm bảo vệ sinh khu vực.

Kết luận: Chọn kết cấu rãnh xây và mương xây có nắp đan.

Mạng lưới cống được đặt dọc các đường thôn xóm, các trục đường liên thôn, liên xã để thu gom nước thải từ các cụm dân cư, thu gom nước mưa đưa ra chỗ xả.

Kích thước cống định hình:

Diện tích lưu vực F < 2ha: chọn rãnh và mương nắp đan 300x400mm.

Diện tích lưu vực F = 2 - 5ha: chọn mương nắp đan kích thước 400x600mm; 600x600mm; 600x800mm.

Rãnh xây được bố trí tại các đường ngõ thôn, ngõ xóm.

Mương xây nắp đan bố trí tại các đường liên xóm, liên thôn, liên xã

Công tác khác: Nạo vét khơi thông dòng chảy các mương tưới tiêu đảm bảo thoát lũ không gây ngập úng khu vực tại các đoạn đường ngõ xóm của các xóm trong xã.

### Khối lượng khôi lượng quy hoạch thoát nước mưa

STT	Hạng Mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước thải BxH-400x600	m	14.892
2	Rãnh thoát nước thải BxH-600x800	m	13.457
3	Mương thoát nước B800	m	2.445

### 7.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn nước:

Nguồn cấp nước sạch cho xã được lấy từ khe dọc, giếng đào, giếng khoan của người dân tại địa phương.

b) Mạng lưới đường ống:

- Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp: Kết hợp mạng vòng và mạng cùt nhằm đảm bảo cho việc cấp nước được liên tục đầy đủ và giảm giá thành xây dựng.

- Dùng ống gang dẻo và ống HDPE để cấp nước cho khu vực nghiên cứu.

- Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè lề đường với độ sâu chôn ống tính từ mặt đất tối thiểu ống với đoạn ống có đường kính  $\geq \varnothing 100$  thì độ sâu đặt ống từ  $1,0 \div 1,2m$ , đoạn ống có đường kính  $\leq \varnothing 100$  thì độ sâu đặt ống từ  $0,7 \div 1,0m$ .

- Hệ thống van khoá kỹ thuật được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và tại các nút giao cắt và điểm đấu nối.

c) Cấp nước cứu hỏa:

- Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy  $10l/s$ ; số lượng đám cháy đồng thời 2 đám; áp lực tự do trong mạng lưới cấp nước chữa cháy  $12m$ .

- Họng cứu hỏa bố trí trên các tuyến ống  $>\varnothing 100mm$  chạy dọc theo các đường quy hoạch, họng cứu hỏa được bố trí gần ngã ba, ngã tư thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới theo quy chuẩn hiện hành.

- Hệ thống cứu hỏa: áp lực thấp khi có đám cháy xảy ra, xe cứu hỏa đến họng cứu hỏa hoặc ao hồ gần nhất bơm nước đến điểm có cháy để dập tắt đám cháy.

Bảng khối lượng quy hoạch cấp nước

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống cấp nước		
	$\varnothing 110$	m	11.478
	$\varnothing 50$	m	15.479

#### 7.4. Quy hoạch cấp điện

a) Nguồn điện:

Nguồn điện cung cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ trạm 110KV xã Hữu Kiên.

b) Lưới điện trung thế:

Các tuyến trung thế hiện có cần được cải tạo, nâng cấp di dời theo các tuyến đường quy hoạch mới cho phù hợp.

Lưới điện trung thế 35KV bố trí đi nối trên cột bê tông ly tâm hoặc đi ngầm, sử dụng cáp đồng bọc xlpe hoặc cáp bọc hợp kim nhôm AC120-AC180mm<sup>2</sup>. Các nhánh cáp cho các trạm hạ thế cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan khu vực, bố trí đi ngầm sử dụng cáp ngầm trung thế, tiết diện từ  $3x150 \div 3x240mm^2$ .

Cấu trúc lưới trung thế theo mạng mạch vòng vận hành mở.

Lưới điện: Cải tạo, nâng cấp các tuyến điện 35 theo đề án phát triển của ngành điện. Dây dẫn dùng loại AC-70, AC-50 có bọc cách điện PVC.

c) Trạm lưới:

+ Các trạm biến áp hạ thế hiện có sẽ cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ. Trong tương lai với sự mở rộng phát triển của xã cần phải đầu tư bổ sung xây dựng mới thêm các trạm biến áp hạ thế theo lộ trình phát triển phụ tải của xã.

+ Các trạm biến áp hạ thế xây dựng mới dùng loại trạm treo hoặc trạm xây, các khu dân cư mới sử dụng loại trạm xây, vị trí bố trí trạm đặt ở các khu vực cây xanh nhằm đảm bảo mỹ quan khu vực.

d) Lưới hạ thế, chiếu sáng:

- Lưới hạ thế 0,4kV:

+ Mạng lưới 0,4kV hiện có giữ nguyên và cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ.

+ Lưới điện hạ thế khu vực trung tâm và các khu dân cư mới bố trí đi ngầm, cáp hạ thế được luồn trong ống PVC đi ngầm dưới vỉa hè tới các tủ điện các hộ tiêu thụ.

+ Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

+ Đường dây 0,4kV bố trí đi nổi dùng dây nhôm cách điện PVC hoặc cáp vặn xoắn ABC

*Đường trực: ABC (4x95) trở lên.*

*Đường nhánh: ABC (4x50) trở lên.*

+ Kết cấu lưới hạ thế 0,4kV theo mạng hình tia.

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.

+ Các trục đường trung tâm, xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp XLPE.

+ Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

+ Các thiết bị chiếu sáng dùng đèn compact hiện đại tiết kiệm điện năng.

+ Lưới chiếu sáng đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

*Bảng quy hoạch trạm biến áp quy hoạch*

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Trạm biến áp dự kiến xây dựng mới	trạm	1
2	Tuyến trung thế	m	4.337

**7.5. Quy hoạch thông tin liên lạc**

- Về chuyên mạch:

Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông xã theo định hướng chung của huyện Chi Lăng, hệ thống này đồng bộ với hệ thống tỉnh cũng như hệ thống vùng.

Phát triển mạng chú trọng ứng dụng công nghệ, chất lượng, xây dựng mạng đồng bộ theo mô hình mạng thế hệ mới NGN (Next Generation Network). Khu vực nào còn công nghệ cũ dần chuyển đổi sang công nghệ mới theo từng giai đoạn.

Cụ thể: Từng bước thay thế tổng đài Host bằng thiết bị Multi - sever Switch, nâng cao năng lực chuyển mạch của các mạng lưới. Phát triển các thuê bao mới là các thuê bao NGN.

- Về truyền dẫn và mạng ngoại vi:

Mạng truyền dẫn thế hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản trên cơ sở mạng truyền dẫn hiện có.

Triển khai mạng truy nhập quang (FTTx) tới khách hàng, đảm bảo nâng cấp đa dạng dịch vụ yêu cầu băng thông cao như: truy nhập internet tốc độ cao, đa dạng dịch vụ (y tế, giáo dục...), truyền hình độ nét cao...

Cải tạo lại các tuyến cáp thuê bao hiện tại đang được đi chung với cột điện lực.

Đối với những khu trung tâm và các dân cư mới dự kiến sẽ ngầm tất cả các loại cáp xuống cổng bể để đảm bảo chất lượng thông tin cũng như mỹ quan. Các cổng, bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng- theo quy chuẩn của ngành.

Các tủ, hộp cáp bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

- Mạng di động:

Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trực đường , nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu vực.

- Mạng Internet:

- Truyền hình, truyền thanh và dịch vụ khác:

Kết hợp truyền tín hiệu vô tuyến và hữu tuyến.

Vô tuyến: Hệ thống hiện nay được giữ nguyên, đồng thời nâng cấp và thay thế thiết bị mới.

Hữu tuyến: Tín hiệu được các nhà khai thác cung cấp cho các thuê bao dựa trên hạ tầng dùng chung với các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Bưu chính

Điểm bưu điện xã có chức năng phục vụ: dịch vụ bưu kiện, bưu phẩm chuyển thường, chuyển nhanh chuyển tiền, bưu phẩm...

Trong những năm tới đây xu hướng chung của cả nước là mở rộng phạm vi phục vụ và đa dạng hóa dịch vụ Bưu chính, chú trọng phát triển dịch vụ mới như: Ngân hàng, bảo hiểm, trả lương lưu, dịch vụ nhờ thu, phát, thư quảng cáo...

*Bảng thống kê khối lượng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động*

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cáp quang trực chính	m	17.146

2	Tủ thông tin	cái	15
3	Trạm BTS	cái	6

### 7.6. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

#### a) Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa.  
- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải được thu gom và đưa về trạm xử lý. Công suất như sau:
  - + Trạm xử lý nước thải 1: Năm 2025 công suất dự kiến là  $150 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ , đến năm 2030 công suất dự kiến là  $180 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .
  - + Trạm xử lý nước thải 2: Năm 2025 công suất dự kiến là  $180 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ , đến năm 2030 công suất dự kiến là  $200 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

(Vị trí nhà máy xử lý nước thải được thể hiện trên Bản đồ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật).

- Công nghệ xử lý nước thải sẽ được quyết định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng nhưng nên chú ý chọn lựa công nghệ tiêu tốn ít năng lượng (diện), chiếm ít diện tích đất.
- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt giới hạn A của tiêu chuẩn QCVN14-2008/BTNMT, TCVN 7222-2002 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải các khu vực chăn nuôi:

Các trang trại chăn nuôi tập trung phải có biện pháp thu gom xử lý nước thải để đảm bảo vệ sinh môi trường; tùy theo số lượng gia súc, gia cầm mà xây dựng hệ thống bể Biogas để xử lý chất thải cho phù hợp.

Bảng thống kê khối lượng quy hoạch thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước thải BxH-400x600	m	14.892
2	Rãnh thoát nước thải BxH-600x800	m	13.457
3	Trạm xử lý	trạm	2

#### b) Chất thải rắn:

- Thành lập đội thu gom rác thải của xã.
- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ.
  - + Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp.
  - + CTR vô cơ, không còn tái chế được, sẽ chuyển về bãi trung chuyển CTR để vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của huyện.
  - Tại từng thôn, sẽ quy hoạch điểm tập trung CTR. Trang bị mỗi thôn 2-3 thùng đựng CTR và từ 2 đến 3 xe đẩy tay cho các thôn để thu gom, vận chuyển CTR đến bãi trung chuyển (giữ nguyên vị trí và diện tích như hiện nay).

- Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất trong khu sản xuất làng nghề sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR công nghiệp, chất thải nguy hại với các đơn vị chuyên trách của Huyện, chuyển CTR về khu xử lý chất thải của Huyện.

- Để giữ gìn vệ sinh chung của môi trường, các hố ga đều có van thủy lực để ngăn nước hôi.

- Rác thải từ các công trình trong khu trung tâm được thu gom hàng ngày.

- Tại các khu vực công cộng có bố trí các thùng rác.

- Xây dựng bãi tập kết rác thải ở từng thôn, xóm hoặc cụm thôn, xóm:

c) Định hướng nghĩa trang:

Các nghĩa trang được quy hoạch theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của nhân dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa địa trồng cây xanh có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản lý. Các nghĩa trang hiện trạng được sử dụng hết quỹ đất, trồng cây xanh.

Từng bước, có lộ trình dừng chôn cất (hung táng) tại các nghĩa trang trong xã, chỉ tiếp nhận mộ cát táng, hỏa táng. Tại nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh.

Các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường, tạm dừng tiếp nhận.

## 8. Tổng hợp kinh phí xây dựng

Bảng khái toán nhu cầu vốn đầu tư

STT	Hạng Mục	Kính phí (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Giao thông	60,9	
2	San nền	7,5	
3	Thoát nước mưa	24,69	
4	Cáp nước	7,3	
5	Cáp điện	6,9	
6	Thông tin liên lạc	11,8	
7	Thoát nước thải, CTR và nghĩa trang	21,9	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>140,99</b>	

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND xã Hữu Kiên tổ chức công bố công khai nội dung đồ án quy hoạch theo quy định để các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND xã Hữu Kiên và các tổ chức  
cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Nhu Điều 3;
- Sở Xây dựng Lạng Sơn;
- TT HU và TT HĐND;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP HĐND & UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT(NTĐ)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Vi Nông Trường**